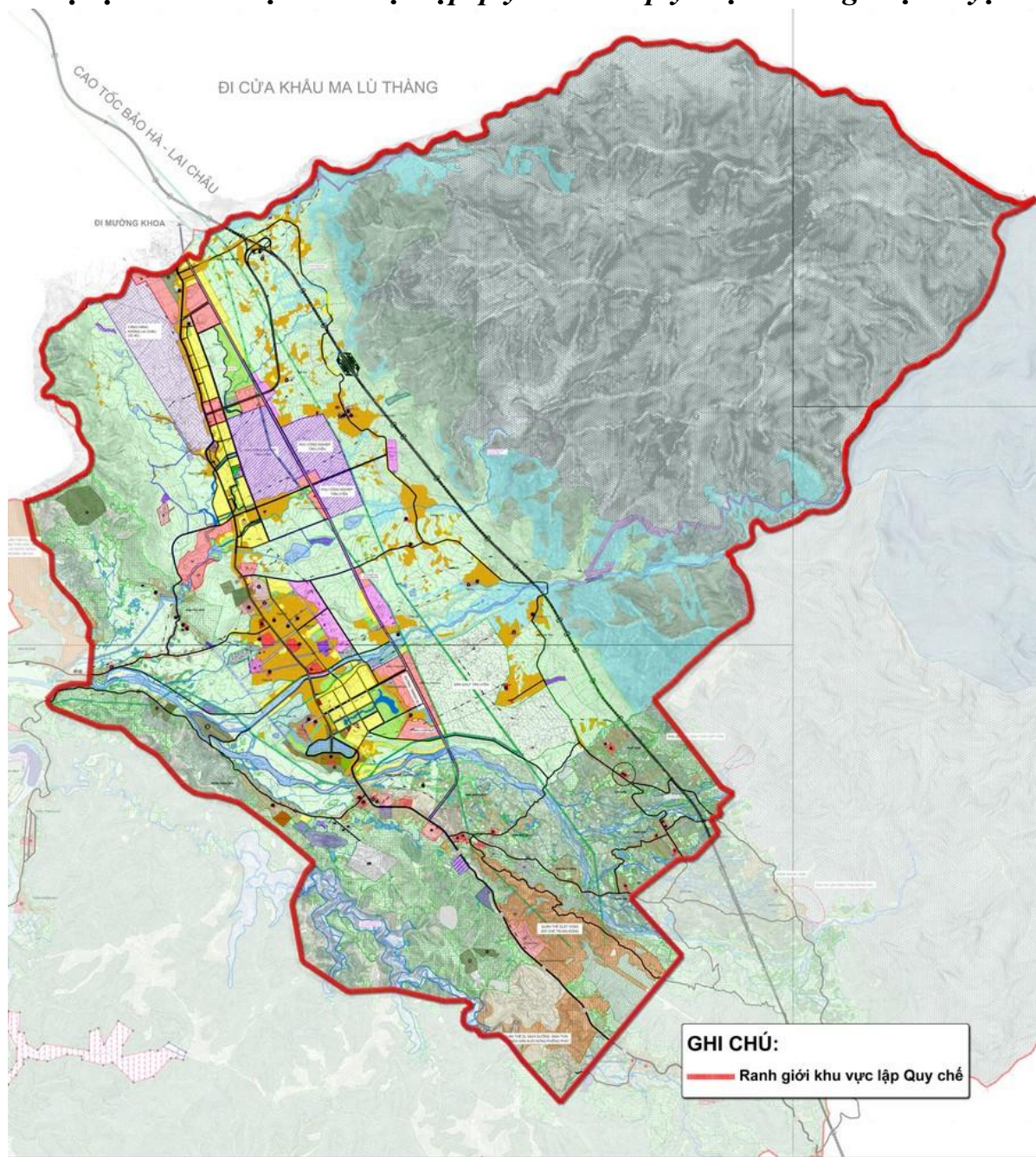
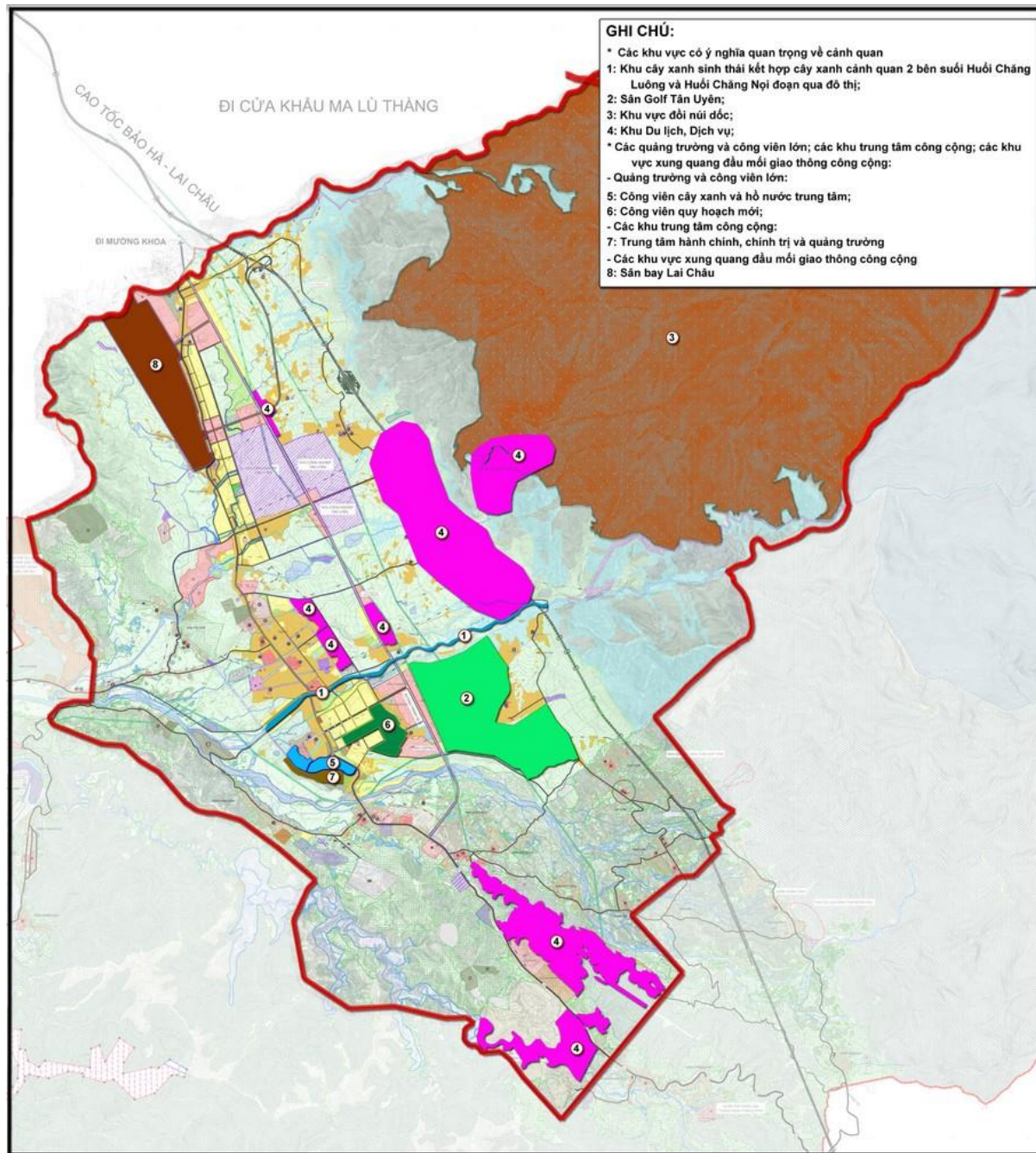


**PHỤ LỤC**

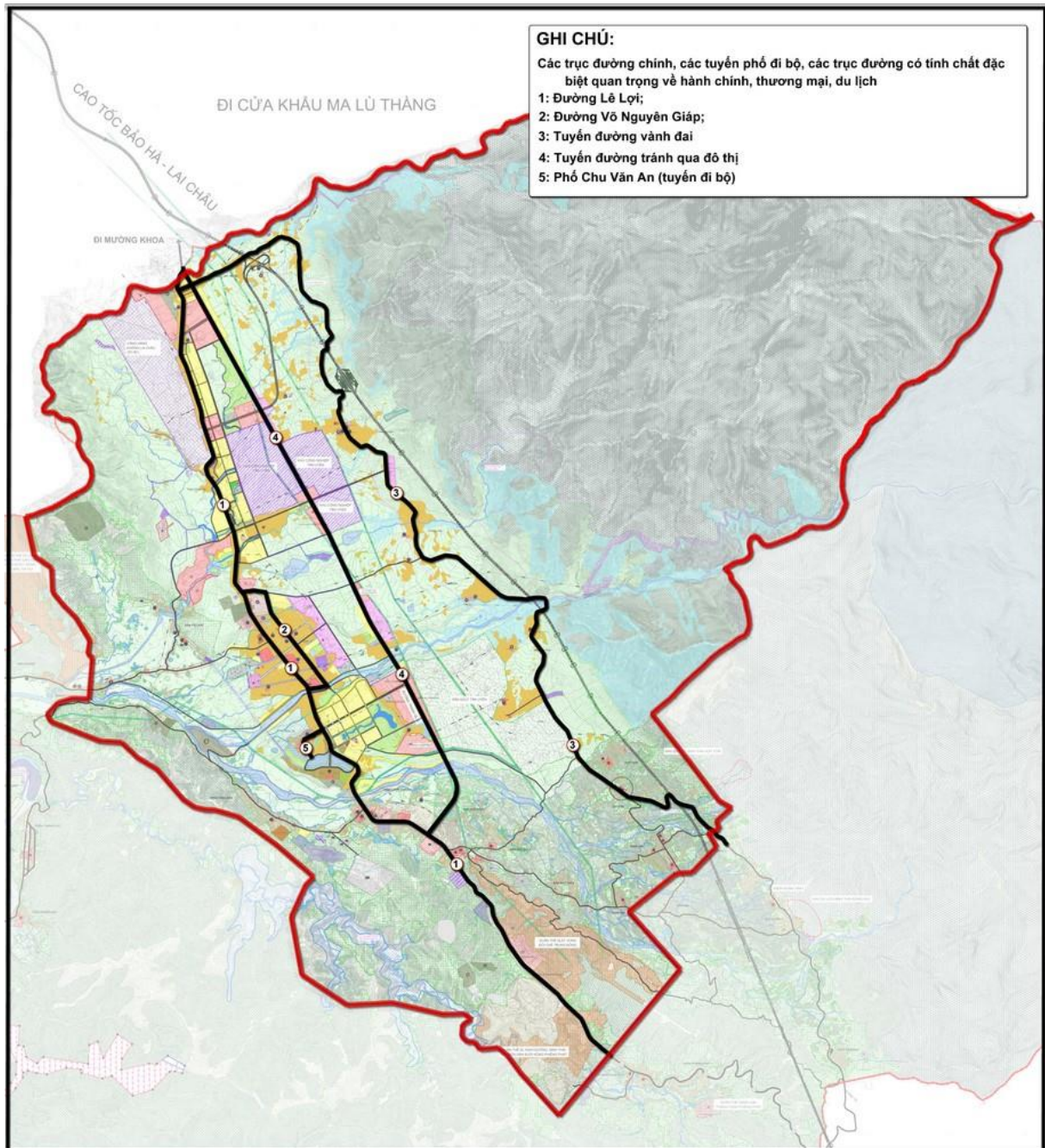
(Kèm theo Quyết định số 95/2026/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Phụ lục 1. Sơ đồ, bản vẽ, hình ảnh minh họa**Phụ lục 1.1. Xác định khu vực lập quy chế theo quy hoạch chung được duyệt.**

Phụ lục 1.2. Các khu vực có ý nghĩa quan trọng về cảnh quan; Các quảng trường và công viên lớn; các khu trung tâm công cộng; các khu vực xung quanh đầu mỗi giao thông công cộng



Phụ lục 1.3. Các trục đường chính, các tuyến phố đi bộ, các trục đường có tính chất đặc biệt quan trọng về hành chính, thương mại, du lịch



Phụ lục 1.4. Quy định chỉ tiêu kỹ thuật các trục đường

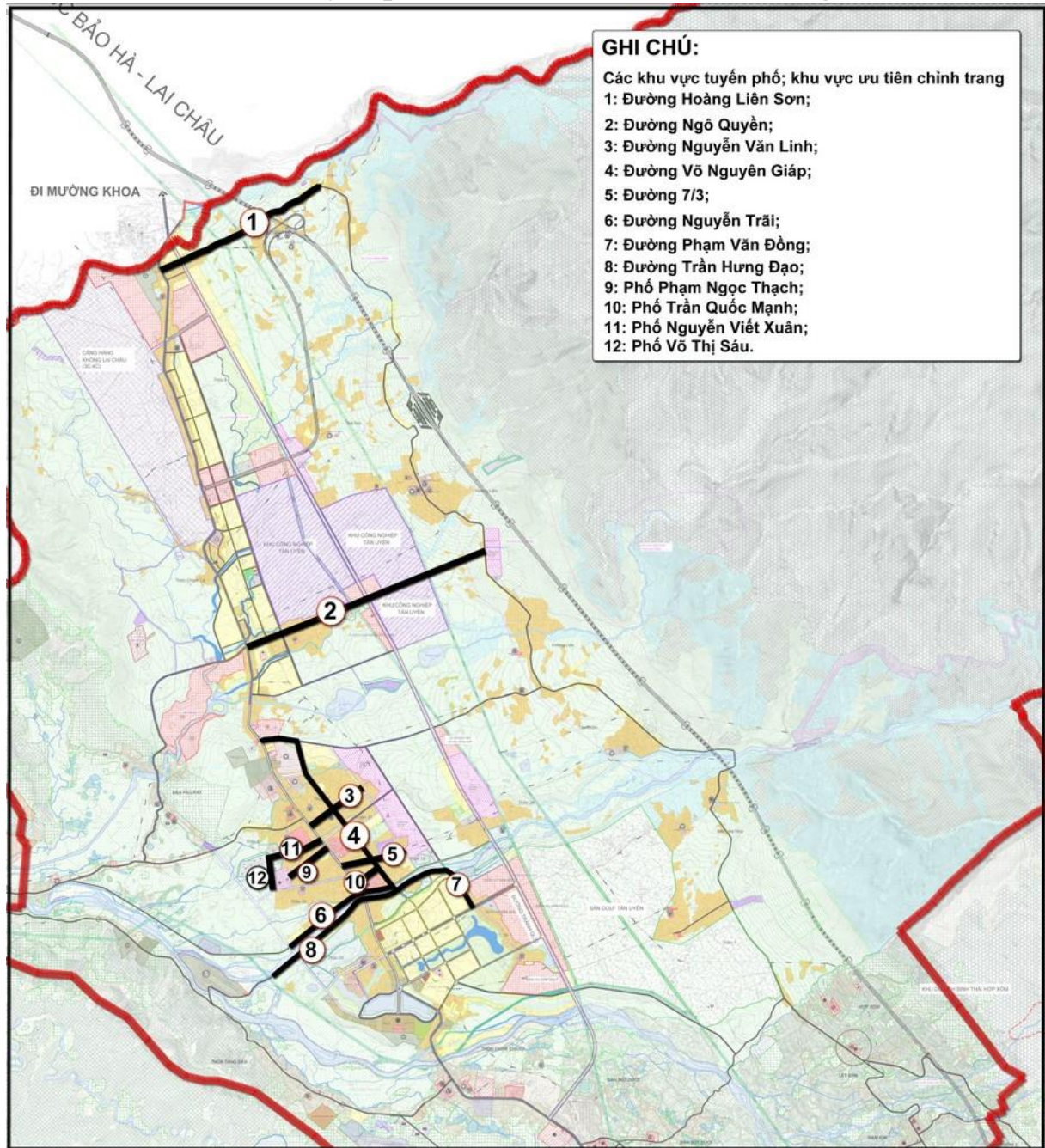
STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Lộ giới (m)	Tầng cao tối đa (tầng)	Chiều cao tối đa (m)	Cốt nền (m)	Khoảng lùi tối thiểu nhà ở riêng lẻ	Hình thức kiến trúc	Ghi chú
I. Các tuyến đường trục chính										
1	Đường Lê Lợi (QL32)	Km 382+250 (QL.32)	Bản Nậm Cung, xã Mường Khoa	20,5	7	30	0,15÷0,45	1,5	Hiện đại	Đường Quốc lộ
2	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi	Chợ trung tâm	13,5	5	22	0,15÷0,45	0 ÷ 1,5	Hiện đại	Đoạn chợ (khu vực lập TKĐT riêng) khoảng lùi bằng 0m
3	Tuyến đường vành đai Tân Uyên	Km 370+800 (QL32)	Km387+00 (QL32)	35	5	22	0,15÷0,45	3	Hiện đại	
4	Đường tránh đô thị 35m	Km378+700 (QL.32)	Km 387+350 (QL.32)	35	7	30	0,15÷0,45	3	Hiện đại	Đường quy hoạch
II. Các tuyến đường - phố trong đô thị										
5	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Lợi	Giáp địa phận bản Nà Nọi	12	5	22	0,15÷0,45	3,0	Hiện đại	
6	Đường Hoàng Liên Sơn			5	5	22	0,15÷0,45	5,0	Hiện đại	

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Lộ giới (m)	Tầng cao tối đa (tầng)	Chiều cao tối đa (m)	Cốt nền (m)	Khoảng lùi tối thiểu nhà ở riêng lẻ	Hình thức kiến trúc	Ghi chú
7	Đường Lý Thường Kiệt	Quốc lộ 32 (cây xăng An Tài Lộc đi bản Hua Pầu)	Đến tuyến đường vành đai Tân Uyên	12	5	22	0,15÷0,45	5,0	Hiện đại	Do kết nối với đường tránh 35m, đảm bảo hạ tầng kỹ thuật
8	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Lê Lợi	Hết TDP 17	12	5	22	0,15÷0,45	3,0	Hiện đại	
9	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Lê Lợi	Đường đi Nà Ban	12	5	22	0,15÷0,45	1,5	Hiện đại	
10	Đường 7/3	Cầu chợ	cổng trường cấp 2	12	5	22	0,15÷0,45	3,0	Hiện đại	Hiện trạng cấp phép xây dựng khoảng lùi 3,0m
11	Đường Nguyễn Trãi	Cầu chợ	Kè suối TDP 32	12	5	22	0,15÷0,45	1,5	Hiện đại	
12	Đường Phạm Văn Đồng	Cầu chợ	Đường Trường Chinh	12	5	22	0,15÷0,45	3,0	Hiện đại	Khoảng lùi xây dựng 3m để đảm bảo hạ tầng kỹ thuật
13	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu chợ	Kè suối TDP 26	12	5	22	0,15÷0,45	3,0	Hiện đại	Đường bờ kè
14	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	Giáp địa phận bản Hoà Hợp	12	5	22	0,15÷0,45	5,0	Hiện đại	Do kết nối với đường tránh 35m, đảm bảo hạ tầng kỹ thuật

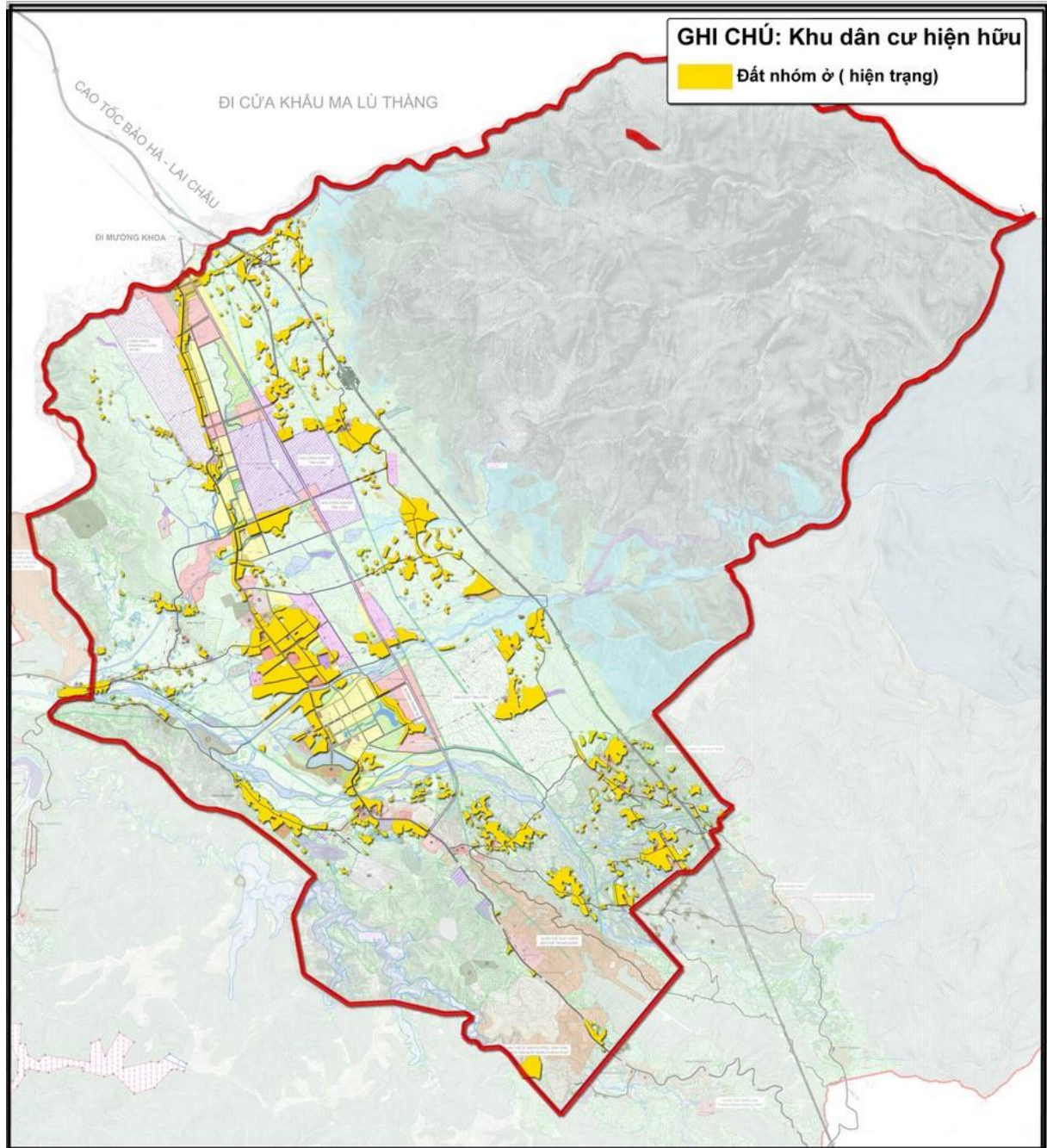
STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Lộ giới (m)	Tầng cao tối đa (tầng)	Chiều cao tối đa (m)	Cốt nền (m)	Khoảng lùi tối thiểu nhà ở riêng lẻ	Hình thức kiến trúc	Ghi chú
15	Đường Lê Duẩn	Đường Lê Lợi	Đường vành đai	12	5	22	0,15÷0,45	5,0	Hiện đại	Do kết nối với đường tránh 35m, đảm bảo hạ tầng kỹ thuật
16	Đường Trần Phú	Đường Lê Lợi	Trường mầm non số 1	12						Không xác định khoảng lùi vì thuộc khu hành chính cơ quan
17	Phố Chu Văn An	Đường Lê Lợi	Phố Hồ Xuân Hương	12 - 23	6	26	0,15÷0,45	1,5	Hiện đại	Tuyến phố đi bộ và đã phát triển ổn định
18	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Lê Lợi	TT Y tế	20,5	5	22	0,15÷0,45	1,5	Hiện đại	Đã phát triển ổn định
19	Phố Trần Quốc Mạnh	QL32 (cửa hàng Hòa Mai)	Đường Võ Nguyên Giáp	20,5	6	26	0,15÷0,45	0 ÷ 1,5	Hiện đại	Phía giáp chợ trung tâm đô thị khoảng lùi bằng 0m. Các đoạn còn lại, đã phát triển ổn định khoảng lùi 1,5m
20	Đường Lò Văn Hặc	Quốc lộ 32 (nhà Hà Nga đi bản Pầu Pắt)	Hết ranh giới đô thị Tân Uyên	12	5	22	0,15÷0,45	3,0	Hiện đại	Đang còn nhiều dư địa mở rộng
21	Phố Vừ A Dính	Phố Nguyễn Viết Xuân	Phố Lý Tự Trọng	12	5	22	0,15÷0,45	1,5	Hiện đại	Tuyến phố dự kiến TKĐT riêng

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Lộ giới (m)	Tầng cao tối đa (tầng)	Chiều cao tối đa (m)	Cốt nền (m)	Khoảng lùi tối thiểu nhà ở riêng lẻ	Hình thức kiến trúc	Ghi chú
22	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Lê Lợi	Nghĩa trang thị trấn	12	5	22	0,15÷0,45	1,5	Hiện đại	
23	Phố Võ Thị Sáu	Đường Lê Lợi	Đường Võ Nguyên Giáp	12	5	22	0,15÷0,45	1,5	Hiện đại	Tuyến phố dự kiến TKĐT riêng. Các thửa đất thuộc loại đất đầu giá, cùng diện tích kích thước
24	Phố Đặng Thùy Trâm	Đường Lê Lợi	TT Y tế	12	5	22	0,15÷0,45	3,0	Hiện đại	Còn dư địa mở rộng
25	Phố Lương Định Của	Đường Trường Chinh	Đường Lê Duẩn	12	5	22	0,15÷0,45	3,0	Hiện đại	Còn dư địa mở rộng, thuộc tổ dân phố 7
26	Phố Nguyễn Tuấn	Đường Lê Lợi	Phố Hồ Xuân Hương	12	5	22	0,15÷0,45	1,5	Hiện đại	
27	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Tuấn	Phố Chu Văn an	12	5	22	0,15÷0,45	1,5	Hiện đại	
28	Phố Nguyễn Du	Phố Nguyễn Tuấn	Phố Chu Văn an	12	5	22	0,15÷0,45	1,5	Hiện đại	
29	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Lê Lợi	Đường Trần Phú	12	5	22	0,15÷0,45	1,5	Hiện đại	
30	Phố Lý Tự Trọng	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Phố Nguyễn Viết Xuân	12	5	22	0,15÷0,45	1,5	Hiện đại	

Phụ lục 1.5. Khu vực tuyến phố, khu vực ưu tiên chỉnh trang



Phụ lục 1.6. Khu dân cư hiện hữu



Phụ lục 1.7. Khu đô thị mới